

Số: 07 /2010/QĐ-UBND

Điện Biên Phủ, ngày 29 tháng 7 năm 2009

| | |
|-------------------|---------------|
| BỘ CÔNG THƯƠNG | |
| ĐẾN | Số: 5.021 |
| | Ngày: 21/8/10 |
| Chuyển: M.C. UBND | |

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Quy định khuyến khích
phát triển công nghiệp nông thôn tỉnh Điện Biên.

| | |
|----------------|---------------|
| BỘ CÔNG THƯƠNG | |
| ĐẾN | Số: 2395 |
| | Ngày: 03/8/10 |
| Chuyển: | |
| Lưu: | |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND-UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg ngày 20/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công Quốc gia đến năm 2012;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính-Bộ Công thương quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số: 191/2010/NQ-HĐND ngày 16/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua thông qua “Quy định khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn tỉnh Điện Biên”.

Theo đề nghị của Sở Công thương tỉnh Điện Biên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Giám đốc Sở Công thương, các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm phối hợp triển khai, tổ chức thực hiện quy định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Đinh Tiến Dũng

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/c)
- TT HĐND;
- Bộ Công thương
- LB UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CN.

QUY ĐỊNH

Khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn tỉnh Điện Biên
(kèm theo quyết định số: ~~07~~/2010/QĐ-UBND, ngày ~~29~~/ ~~7~~/2010 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn

1. Huy động và động viên các nguồn lực trong tỉnh, trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ công nghiệp hoặc hỗ trợ các cơ sở sản xuất, dịch vụ công nghiệp trên địa bàn phát triển theo quy hoạch.

2. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, bền vững.

3. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá; nâng cao năng lực cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn) trên địa bàn tỉnh không bao gồm địa bàn các xã thuộc “Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”, đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh bao gồm:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

b) Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2003;

c) Hộ kinh doanh cá thể.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công

a) Dịch vụ khuyến công là các hoạt động dịch vụ: Tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác có liên quan đến đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn;

b) Tổ chức khuyến công tự nguyện do các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động khuyến công không vì lợi nhuận.

Điều 3. Nội dung hoạt động khuyến công

1. Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân khởi sự doanh nghiệp, lập dự án đầu tư, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, đào tạo lao động, huy động vốn, xin ưu đãi đầu tư và các thủ tục hành chính khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hoá sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và tham gia hội chợ, triển lãm.

3. Hướng dẫn, tư vấn cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, cải tiến kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề, phát triển làng nghề và du nhập nghề, sản phẩm mới, thuộc lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

5. Hỗ trợ chi phí để cung cấp thông tin về thị trường, giá cả, công nghệ trong và ngoài nước, tiếp thị, tìm thị trường, đối tác kinh doanh và giới thiệu sản phẩm.

6. Tổ chức hoạt động học tập, trao đổi kinh nghiệm; tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và tham gia các hiệp hội ngành nghề.

7. Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyên giao công nghệ mới nhằm phổ biến nhân rộng, thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến công và dịch vụ khuyến công

1. Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động khuyến công và dịch vụ khuyến công phải thực hiện theo quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Tổ chức, cá nhân, tham gia đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được hưởng kinh phí khuyến công theo quy định này và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

3. Tổ chức, cá nhân, tham gia hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn, được cấp kinh phí để thực hiện các đề án, chương trình khuyến công; được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

4. Tổ chức, cá nhân thụ hưởng kinh phí khuyến công, phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền,

duy trì chế độ báo cáo quý, năm và quyết toán kinh phí khuyến công, chấp hành dự toán, đề án khuyến công theo quy chế này và các quy định hiện hành.

CHƯƠNG II. CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG

Điều 5. Ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách khuyến công của Nhà nước đối với các ngành nghề sau:

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản;
2. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động;
3. Sản xuất sản phẩm mới, hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước;
4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp;
5. Thủy điện nhỏ, điện sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có công suất lắp đặt dưới 10.000 KW để cung cấp điện cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
6. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh;
7. Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Điều 6. Nội dung chi hoạt động khuyến công

1. Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề
 - a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề (chủ yếu là tại chỗ), ngắn hạn (dưới 1 năm), gắn với cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho lao động nông thôn;
 - b) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề ở nông thôn.
2. Chương trình nâng cao năng lực quản lý
 - a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu khởi sự, quản trị doanh nghiệp công nghiệp nông thôn có nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế và đối tượng đào tạo;
 - b) Chi đào tạo cán bộ của các tổ chức dịch vụ khuyến công để có đủ năng lực tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo của chương trình (đào tạo giảng viên);

c) Chi tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp nông thôn;

d) Chi tổ chức hội thảo, giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ mới và các chủ đề khác liên quan đến sản xuất công nghiệp cho cơ sở công nghiệp nông thôn;

e) Chi tổ chức, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các khoá học, hội thảo; khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước;

f) Chi tư vấn, hỗ trợ lập dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh để thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp mới thành lập.

3. Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiên bộ khoa học kỹ thuật

a) Chi điều tra, khảo sát, xây dựng danh mục mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới cần phổ biến nhân rộng; danh mục công nghệ, tiên bộ khoa học kỹ thuật cần hỗ trợ chuyển giao;

b) Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn trong các lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp để khuyến khích hiện đại hoá công nghệ truyền thống; sửa chữa, sản xuất máy cơ khí, nông cụ phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp, cơ khí tiêu dùng; chế biến nông - lâm - thủy sản; chế biến nguyên liệu, đặc biệt là quy mô nhỏ tại các vùng nguyên liệu phân tán để cung cấp cho các cơ sở công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp;

c) Chi hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường.

4. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

a) Chi xây dựng Bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước;

b) Chi xây dựng và ban hành hệ thống Quy chế bình chọn các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng theo 3 cấp: xã, huyện, tỉnh;

c) Chi tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh;

d) Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến công nghệ, mẫu mã, bao bì đóng gói... để tạo ra những sản phẩm đạt được cấp cao hơn;

e) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Xây dựng, đăng ký thương hiệu và các hoạt động xúc tiến thương mại.

5. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin

a) Chi hỗ trợ hoạt động tư vấn khuyến công trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; đất đai; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn;

b) Chi hình thành và phát triển các hoạt động tư vấn khuyến công, gồm: điểm tư vấn cố định; tư vấn trực tiếp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; tư vấn qua mạng internet và các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Chi xây dựng trung tâm dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn, mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công địa phương;

d) Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác.

6. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm - điểm công nghiệp

a) Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch;

b) Chi hỗ trợ hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp;

c) Chi hỗ trợ lập quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương tại những địa bàn khó khăn, công nghiệp chậm phát triển.

7. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện chương trình khuyến công

a) Chi nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công;

b) Chi tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến công;

c) Chi cơ sở vật chất kỹ thuật cho Trung tâm khuyến công theo hướng chuyên nghiệp hóa, kết nối với các cơ quan, viện, trường, doanh nghiệp có khả năng thực hiện các hoạt động đào tạo, tư vấn kỹ thuật tại cơ sở;

d) Chi xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công;

e) Chi hợp tác quốc tế để hỗ trợ cho hoạt động khuyến công địa phương.

Điều 7. Nguồn hình thành kinh phí khuyến công

1. Từ kinh phí khuyến công Quốc gia: Bộ Công thương phê duyệt mức hỗ trợ theo chương trình, kế hoạch do địa phương đề nghị.

2. Từ ngân sách địa phương: Hàng năm UBND tỉnh bố trí một phần kinh phí cho hoạt động khuyến công và được trích từ nguồn ngân sách địa phương.

3. Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn vốn hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của Chương trình.

Điều 8. Nhiệm vụ quản lý kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công Quốc gia: Bộ Công thương phê duyệt, hỗ trợ các đề án khuyến công do tỉnh đề nghị và giao Cục công nghiệp địa phương, Trung tâm khuyến công - tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Điện Biên tổ chức thực hiện, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí khuyến công địa phương: UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ các chương trình, đề án khuyến công địa phương và giao cho Sở Công thương quản lý sử dụng quỹ khuyến công địa phương, để chi cho các hoạt động khuyến công được quy định tại Điều 6 và một số khoản chi khác bao gồm:

a) Chi biên soạn giáo trình, tài liệu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn về khuyến công;

b) Chi tuyên truyền cho công tác khuyến công trong phạm vi địa phương;

c) Chi xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn và hàng năm tại địa phương;

d) Chi kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, hoạt động khuyến công tại cơ sở;

e) Chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác khuyến công;

f) Chi khen thưởng theo quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp;

g) Chi vốn đối ứng cho các dự án, đề án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công;

h) Các khoản chi khác (nếu có).

Điều 9: Mức chi hoạt động khuyến công

1. Một số mức chi chung: Mức chi cho hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể một số mức chi như sau:

a) Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo của Chương trình khuyến công thực hiện theo Thông tư số 87/2001/TT-BTC ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình khung cho các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và biên soạn chương trình giáo trình các môn học;

b) Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề thực hiện theo Quyết định số: 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 19 tháng 01 năm 2006 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn.

Đối với đào tạo người nghèo và người dân tộc thiểu số tham gia học nghề mới; đào tạo thợ giỏi và nghề nhân thủ công nghiệp học nâng cao để trở thành giảng viên dạy nghề được hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học và hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé phương tiện giao thông công cộng theo Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính-Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo;

c) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư số 100/2006/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật;

d) Điều tra, khảo sát, xây dựng danh mục mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới cần phổ biến nhân rộng; danh mục công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật cần hỗ trợ chuyển giao và hệ thống định mức chi hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư số 120/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách nhà nước;

e) Hội nghị, hội thảo, tập huấn thực hiện theo Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính;

f) Khảo sát nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài;

g) Tổ chức các cuộc thi về các hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư số 101/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện các dự án, chương trình thuộc Đề án “Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm giai đoạn 2008-2015”;

h) Các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công; các khoá đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp thực hiện theo Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước;

i) Xây dựng dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn thực hiện theo Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi cho việc tạo lập thông tin điện tử.

2. Một số mức chi đặc thù

a) Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: nghiên cứu hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 triệu đồng/doanh nghiệp;

b) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp và có tính quyết định đến công nghệ mới hoặc sản phẩm mới; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 250 triệu đồng/mô hình.

Mức hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa là 70 triệu đồng/mô hình;

c) Chi hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý môi trường, bao gồm: máy móc thiết bị hiện đại, cung cấp tài liệu, bí quyết kỹ thuật; tư vấn quản lý công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh, hướng dẫn thực hiện các quy trình công nghệ được chuyển giao; đào tạo, huấn luyện nâng cao trình độ cho cán bộ, công nhân để nắm vững và vận hành công nghệ được chuyển giao; thuê chuyên gia; mua tài liệu nghiên cứu phục vụ công việc chuyển giao; mua nguyên vật liệu để sản xuất thử. Mức hỗ trợ tối đa 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ được chuyển giao nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở;

d) Chi xây dựng Bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước. Mức chi tối đa không quá 15 triệu đồng/tiêu chuẩn sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm;

e) Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/lần (đối với cấp xã), 20 triệu đồng/lần (đối với cấp huyện), 80 triệu đồng/lần (đối với cấp tỉnh);

f) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu trong nước cấp tỉnh, khu vực, quốc gia. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê gian hàng, trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng hội chợ triển lãm tổ chức tại các vùng miền núi, Tây Nguyên, vùng cao mức hỗ trợ tối đa 80% chi phí thuê gian hàng.

g) Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng mức tối đa không quá 35 triệu đồng/thương hiệu;

h) Chi hỗ trợ cho cơ sở công nghiệp nông thôn thuê tư vấn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; đất đai; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí thuê tư vấn, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở;

i) Chi thành lập điểm tư vấn khuyến công có điều kiện thành lập theo quy định của Bộ Công thương, bao gồm chi phí: mua sắm tài liệu, trang thiết bị và dụng cụ phục vụ cho hoạt động của các điểm tư vấn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở;

j) Chi hỗ trợ xây dựng mạng lưới cộng tác viên khuyến công, bao gồm: khảo sát vận động nhân sự tham gia mạng lưới; lập đề án xây dựng mạng lưới; dự thảo điều lệ hoạt động của mạng lưới; tổ chức hội nghị ra mắt mạng lưới; tập huấn đào tạo cộng tác viên. Mức hỗ trợ 50% chi phí xây dựng mạng lưới cộng tác viên nhưng tối đa không quá 40 triệu đồng/mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công cấp tỉnh;

k) Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng;

l) Chi hỗ trợ để thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết cấp tỉnh. Mức hỗ trợ 30% chi phí thành lập nhưng tối đa không vượt quá 50 triệu đồng/hiệp hội hoặc liên kết cấp tỉnh;

m) Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp nhưng không vượt quá 150 triệu đồng cho một cụm liên kết;

n) Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương, bao gồm: san lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.

o) Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm ở nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ cụ thể đối với nhiệm vụ chi khuyến công của ngân sách địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định trên đây.

Đối với các huyện nghèo thuộc nghị quyết 30a/2008/NQ-CP và các xã đặc biệt khó khăn được thụ hưởng kinh phí khuyến công ở mức tối đa quy định tại Điều 9 của Quy định này.

Điều 10. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí từ Chương trình khuyến công phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Nội dung phù hợp với nội dung Chương trình khuyến công.
2. Có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khuyến công (bao gồm cả đề án) của cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương đối với Chương trình khuyến công quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với Chương trình khuyến công địa phương).
3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).
4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chi trong năm được Chương trình khuyến công hỗ trợ.

Điều 11. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công địa phương

Việc lập dự toán, cấp phát và quyết toán kinh phí cho công tác khuyến công thực hiện theo quy định này và quy định của luật ngân sách Nhà nước.

1. Lập dự toán
 - a) Căn cứ chương trình, kế hoạch khuyến công được phê duyệt, Sở Công thương lập dự toán kinh phí thực hiện chương trình, kế hoạch khuyến công địa phương và các nhiệm vụ phải triển khai của năm kế hoạch, chi tiết từng nội dung, nhiệm vụ gửi Sở Tài chính, căn cứ khả năng ngân sách địa phương xem xét đưa vào kế hoạch phân bổ ngân sách trình Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt (đối với kinh phí khuyến công địa phương);
 - b) Căn cứ dự toán kinh phí khuyến công được giao, Sở Công thương thực hiện phân bổ kinh phí theo đơn vị và nội dung được quy định tại Khoản 2 - Điều 8, gửi Sở Tài chính thẩm định làm căn cứ giao dự toán cho đơn vị thực hiện.
2. Chấp hành dự toán
 - a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch;
 - b) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ của Chương trình theo hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước của Bộ Tài chính; chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại quy định này.
3. Công tác hạch toán và quyết toán.
 - a) Các cơ quan, đơn vị, đối tượng sử dụng kinh phí khuyến công, kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu, có trách nhiệm hạch toán và quyết toán kinh phí với Sở Công thương (đối với kinh phí địa phương, kinh phí hỗ trợ có mục tiêu); và Bộ Công thương đối với kinh phí khuyến công quốc gia;

b) Hàng năm Sở Công thương quyết toán kinh phí khuyến công và gửi Sở Tài chính thẩm định, theo dõi và kết chuyển kinh phí chưa sử dụng hết cho năm sau; thời gian quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 12. Trình tự, hồ sơ đăng ký và thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công

1. Đăng ký đề án khuyến công

a) Các cơ sở công nghiệp nông thôn có nhu cầu kinh phí khuyến công hỗ trợ xây dựng đề án theo mẫu gửi về UBND huyện, thị xã, thành phố nơi cơ sở trực tiếp đầu tư hoặc trực tiếp gửi tại Trung tâm khuyến công - tư vấn phát triển công nghiệp, Sở Công Thương tỉnh Điện Biên;

b) UBND huyện, thị xã, thành phố tổng hợp các đề án cần hỗ trợ trên địa bàn, gửi về Trung tâm khuyến công - tư vấn phát triển công nghiệp, Sở Công Thương trước ngày 30 tháng 5 hàng năm. Sở Công Thương tổng hợp kế hoạch, đề án khuyến công và dự toán trình Bộ Công Thương phê duyệt (đối với kế hoạch khuyến công quốc gia) và trình UBND tỉnh phê duyệt (đối với kế hoạch khuyến công địa phương) theo kỳ họp định kỳ Hội Đồng Nhân Dân tỉnh.

c) Hồ sơ đăng ký, thẩm định gồm:

- Đơn hoặc văn bản đăng ký;
- Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh;
- Biểu tổng hợp các thông tin;
- Đề án (đủ thông tin cần thiết theo quy định).

2. Thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công.

a) Trình tự đối với đề án khuyến công quốc gia: Sau khi được duyệt, đơn vị thực hiện dịch vụ khuyến công triển khai kế hoạch, đề án khuyến công theo quyết định phân bổ kinh phí của Bộ Công Thương, thông qua hợp đồng với Cục Công nghiệp địa phương;

b) Trình tự đối với kế hoạch, đề án khuyến công địa phương: Sau khi kế hoạch khuyến công được duyệt, Sở Công Thương thông báo đến các đơn vị, cơ sở sản xuất, chủ đầu tư tiến hành xây dựng kế hoạch, đề án khuyến công chi tiết theo nội dung đăng ký và hướng dẫn tại mục c khoản 1 Điều 12, gửi về Sở Công Thương thẩm định đề án và dự toán với sự tham gia của Sở Tài chính, sau đó tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định mức hỗ trợ đối với kế hoạch, đề án khuyến công năm kế hoạch.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

Điều 13. Nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến công

1. Sở Công Thương: Là cơ quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại tỉnh.

a) Chủ trì phối hợp với các ngành hướng dẫn các đơn vị, cơ sở sản xuất, các huyện thị, thành phố lập kế hoạch và triển khai các hoạt động khuyến công, tổ chức quản lý sử dụng hiệu quả;

b) Kiểm tra, hướng dẫn sử dụng, quản lý kinh phí khuyến công, đúng mục đích và hiệu quả theo quy chế này, duy trì chế độ báo cáo hình thực hiện hoạt động khuyến công trên phạm vi toàn tỉnh với Bộ Công Thương và UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch & đầu tư: Tham mưu UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về khuyến công theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình và theo quy định này.

Căn cứ kế hoạch khuyến công dài hạn và kế hoạch khuyến công hàng năm để cân đối nguồn và đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trình cấp có thẩm quyền.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Công Thương quản lý kinh phí khuyến công, xây dựng kế hoạch nguồn vốn khuyến công hàng năm trình UBND, HĐND tỉnh phê duyệt.

a) Căn cứ kế hoạch khuyến công lập dự trù kinh phí, nếu thiếu nguồn cần xây dựng phương án, dự toán chi tiết đề nghị trung ương hỗ trợ theo chương trình mục tiêu;

b) Quyết toán kinh phí theo chức năng nhiệm vụ.

4. UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến công trong phạm vi địa bàn quản lý.

a) Phối hợp với Sở Công thương thực hiện tốt các hoạt động khuyến công;

b) Hàng năm xây dựng kế hoạch, lập đề cương, dự toán kinh phí khuyến công cần hỗ trợ gửi về Sở Công Thương;

c) Duy trì báo cáo quý, năm tình hình thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn quản lý với Sở Công thương theo hướng dẫn;

d) Xây dựng quỹ khuyến công cấp huyện (nếu có).

5. Kho bạc các cấp kiểm soát và cấp kinh phí khuyến công theo đề án được phê duyệt, quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17 tháng 6 năm 2009.

6. Các cơ quan quản lý Nhà nước lĩnh vực khác liên quan đến chuyên ngành công nghiệp, thương mại có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh; các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động khuyến công và dịch vụ khuyến công, các cơ sở công nghiệp nông thôn thụ hưởng kinh phí khuyến công, phải thực hiện theo quy định này và các quy định khác của pháp luật về hoạt động khuyến công.

Điều 14. Kiểm tra, giám sát

Sở Công thương có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra định kì, đột xuất các cơ sở thụ hưởng và đơn vị thực hiện dịch vụ khuyến công, bảo đảm việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công thương, các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh có trách nhiệm phối hợp triển khai, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định này trong quá trình tổ chức thực hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công và lĩnh vực phát triển công nghiệp nông thôn của tỉnh được khen thưởng; cơ quan, tổ chức, cá nhân không tuân thủ các quy định về hoạt động khuyến công, tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh, đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ xung về UBND tỉnh (qua Sở Công thương) để kịp thời giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đinh Tiến Dũng